TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **24**/2021/DS-ST
Ngày 08-7-2021
V/*v"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiển.
- **Thư ký phiên tòa**: Ông Vi Thế Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Ông Tống Mạnh Cường, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS, ngày 24/5/2021, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 133/2021/QĐST-DS, ngày17/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín**; Địa chỉ: số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Hải, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông. (Theo văn bản ủy quyền số 3961/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019)

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thanh Hải: Ông Nguyễn Đức Thi – chức vụ: Phó phòng giao dịch Cư Jút, thuộc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số 77A/2021/GUQ-CNĐNO ngày 22/3/2021)

- *Bị đơn*: + Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1972
+ Bà **Nguyễn Thị Phương V**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Quảng Đ, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị D, sinh năm 1999; anh Phạm Văn T, sinh năm 2001
(Chị D, anh T là con của ông D, bà V).
Cùng địa chỉ: Thôn Quảng Đ, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.
(Ông D, bà V, chị D, anh T vắng mặt lần thứ 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2020 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

1. Ngày 19/04/2018 và ngày 27/4/2019, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018; số tiền vay: 600.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2022.

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019; số tiền vay: 250.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2022.

- Để bảo đảm cho 02 hợp đồng vay trên, bên vay đã thế chấp tài sản hợp pháp của mình cho Ngân hàng, gồm các tài sản sau đây:

+ Tài sản 01: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 425869 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00219, do UBND huyện Đăk Mil, cấp ngày 31/12/2009, cấp cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; thửa đất số: 121, tờ bản đồ số: 63; địa chỉ thửa đất: Xã Đăk G, huyện Đăk M, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 11.467 m^2; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm.

+ Tài sản 02: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 504458 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01790, do UBND huyện Đăk Mil, cấp ngày 25/07/2012 cấp cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; thửa đất số: 114,117, tờ bản đồ số: 63; địa chỉ thửa đất: Xã Đăk G, huyện Đăk M, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 10.308 m^2; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng năm 2049.

+ Tài sản 03: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 217461 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01653, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông, cấp ngày 23/09/2016 cho Hộ ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; thửa đất số: 334, tờ bản đồ số: 16; địa chỉ thửa đất: Xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 1.807 m^2; mục đích sử dụng: Đất ở

300 m^2, đất trồng cây lâu năm 1.507 m^2; thời hạn sử dụng: đất ở lâu dài, Đất trồng cây lâu năm đến năm 2043.

- Các Tài sản trên được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 601/18/TCCJ ngày19/04/2018,Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601/18/TCCJ ngày 27/04/2019 và 601a/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601a/18/TCCJ ngày 27/04/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Mil theo đúng quy định.

- Trong quá trình vay vốn, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V thường xuyên không thanh toán gốc lãi đúng hạn cho Ngân hàng, cụ thể: Theo hợp đồng tín dụng số LD1810800801 và LD1911400740, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V đã thanh toán số tiền đến hạn theo phân kỳ trả nợ lần ngày19/04/2019 là 83.702.074 đồng (trong đó: tiền gốc: 10.000.000 đồng, tiền lãi: 73.702.074 đồng), đến phân kỳ trả nợ lần 2 ngày 19/04 /2020 ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải trả là 83.048.767 đồng (trong đó: tiền gốc: 10.000.000 đồng, tiền lãi: 73.048.767 đồng) nhưng ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V không trả. Qua nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

- Tính đến hết ngày xét xử 08/7/2021, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V còn nợ các khoản sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018 thì tiền gốc còn nợ là 590.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 158.782.321 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 11.396.013 đồng, Tổng cộng là 760.178.334 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019 thì tiền gốc còn nợ là 250.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 63.443.889 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 4.898.424 đồng, Tổng cộng là 318.342.313 đồng.

2. Ngày 04/05/2019 , bà Nguyễn Thị Phương V có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1912400123 ngày 04/05/2019: Giấy nhận nợ số 01/ LD1912400123 ngày 04/05/2019; số tiền vay: 30.000.000; thời hạn vay: 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/05/2020. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

- Trong quá trình vay vốn, tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên đến nay, bà Nguyễn Thị Phương V chưa thanh toán gốc lãi cho Ngân hàng: Theo hợp đồng tín dụng số LD1912400123, bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán số tiền đến hạn ngày 04/05/2020 là 36.164.384 đồng (trong đó: tiền gốc: 30.000.000 đồng, tiền lãi: 6.164.384 đồng) nhưng bà Nguyễn Thị Phương V không thanh toán. Tính đến hết

ngày 08/7/2021, bà Nguyễn Thị Phương V còn nợ số tiền gốc là 30.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là 13.391.014 đồng; tiền lãi phạt quá hạn là 4.341.219 đồng, Tổng cộng là 47.732.233 đồng.

3. Ngày 04/05/2019, ông Phạm Văn D có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1080206 ngày 28/05/2018: Hạn mức cấp thẻ tín dụng 50.000.000 đồng; Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Phạm Văn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 143.850.000đồng; Thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 113.185.000 đồng; khoản vay này không có tài sản bảo đảm. Đến hạn thanh toán ngày 22/05/2020, ông Phạm Văn D phải thanh toán số tiền 49.748.266 đồng, nhưng ông Phạm Văn D không thanh toán, cố tình vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký. Tính đến hết ngày 08/7/2021 ông Phạm Văn D còn nợ số tiền gốc là 52.787.688 đồng; tiền lãi phạt quá hạn là 18.991.557 đồng, Tổng cộng là 71.779.245 đồng.

- Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 08/07/2021là 1.198.032.125 đồng Một tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, một trăm hai mươi năm đồng) trong đó:

+ Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 thì tiền gốc là 590.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 158.782.321 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 11.396.013 đồng, Tổng cộng là 760.178.334 đồng.

+ Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 thì tiền gốc là 250.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 63.443.889 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 4.898.424 đồng, Tổng cộng là 318.342.313 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Phương V phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1912400123 thì tiền gốc là 30.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 13. 391.014 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 4.341.219 đồng, Tổng cộng là 47.732.233 đồng.

+ Ông Phạm Văn D theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1080206 thì tiền gốc là 52.787.688 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 18.991.557 đồng; Tổng cộng là 71.779.245 đồng.

Kể từ ngày 09/7/2021, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế

chấp để thu hồi nợ đối với Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại tòa để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền gốc, lãi các loại tính đến ngày xét xử.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: số tiền 4.545.000 đồng, nguyên đơn phải chịu số tiền trên, trừ vào số tiền nguyên đơn đã chi.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V do vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào vào năm 2018, 2019, mục đích vay để tiêu dùng phục vụ đời sống, chăm sóc cà phê. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" trong vụ án dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có địa chỉ tại Thôn Quảng Đ, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Các hợp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V được ký kết vào năm 2018, 2019. Đến hạn của kỳ đầu ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V chỉ trả được kỳ đầu tiên của hợp đồng số LD1810800801 ngày 19/04/2018 với số tiền 10.748.000 đồng tiền gốc và tiền lãi sau đó ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị

Phương V không trả được nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng . Do vậy nguyên đơn khởi kiện không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4]. Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và các con của ông D, bà V là chị Phạm Thị D, sinh năm 1999; anh Phạm Văn T, sinh năm 2001. Xác minh tại Công an xã Đăk S thể hiện ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và các con có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Quảng Đ, xã Đăk S, huyện Krông Nô. Tuy nhiên ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và các con vắng mặt tại địa phương, không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng, vì vậy chính quyền địa phương và Ngân hàng không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và các con. Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và các con theo quy định

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*"

Điều 6:

"2. *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi*

nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp thể hiện người trực tiếp vay tiền và ký kết các hợp đồng tín dụng là ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V , vì vậy ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, nhưng ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, vắng mặt tại địa phương mà không thông báo cho chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng, do đó xác định ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và các con cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và các con vắng mặt lần 2. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1912400123 ngày 04/05/2019: Giấy nhận nợ số 01/ LD1912400123 ngày 04/05/2019; Số tiền vay: 30.000.000; Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/05/2020, người vay nợ là bà Nguyễn Thị Phương V.

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1080206 ngày 28/05/2018: Hạn mức cấp thẻ tín dụng 50.000.000 đồng; người vay nợ là bà ông Phạm Văn D. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Phạm Văn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 143.850.000 đồng; Thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 113.185.000 đồng. Đến hạn thanh toán ngày 22/05/2020, ông Phạm Văn D phải thanh toán số tiền 49.748.266 đồng,

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018; số tiền vay: 600.000.000 đồng; lãi suất 12%/ năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi phạt lãi quá hạn 10%/năm; thời hạn vay: 60 tháng, chia 5 kỳ trả lãi mỗi kỳ 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2022, người vay nợ là ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V.

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019; Số tiền vay: 250.000.000 đồng; lãi suất 11%/ năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi phạt lãi quá hạn 10%/năm; thời hạn vay: 36 tháng, chia 3 kỳ trả lãi mỗi kỳ 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2022, người vay nợ là ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V.

- Theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Nguyên đơn và bị đơn Hội đồng xét xử, xét thấy; Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGTT và bên vay là

ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay… đúng theo quy đinh tại khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không trả được nợ theo thỏa thuận, chỉ trả được một phần nợ gốc và lãi của kỳ đầu, không trả đầy đủ tiền lãi cho Nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử 08/7/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 1.198.032.125 đồng (Có bảng tính lãi chi tiết kèm theo) trong đó:

+ Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 thì tiền gốc là 590.000.000 đồng; số ngày tiền lãi theo hợp đồng là 158.782.321 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 11.396.013 đồng, Tổng cộng là 760.178.334 đồng.

+ Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 thì tiền gốc là 250.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 63.443.889 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 4.898.424 đồng, Tổng cộng là 318.342.313 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Phương V phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1912400123 thì tiền gốc là 30.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 13.391.014 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 4.341.219 đồng, Tổng cộng là 47.732.233 đồng.

+ Ông Phạm Văn D theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1080206 thì tiền gốc là 52.787.688 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 18.991.557 đồng; Tổng cộng là 71.779.245 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng tín dụng số 108006 ngày 28/5/2018, (ngày cấp thẻ 04/5/2019) là 71.779.245 đồng (trong đó: nợ gốc là 52.787.688 đồng tiền lãi phạt quá hạn là 18.991.557 đồng). Buộc bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông), tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng cấp thẻ số LD1912400123 ngày 04/05/2019: Giấy nhận nợ số 01/ LD1912400123 ngày 04/05/2019 là 47.732.233 đồng (trong đó: nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 13.391.014 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 4.341.219 đồng). Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). theo 02 Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019. Tổng số tiền là 1.078.520.647 đồng (trong đó: nợ gốc là 840.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 222.226.210 đồng,

tiền lãi phạt quá hạn là 16.294.437 đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2021 là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Kể từ ngày 09/7/2021, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 108006; Hợp đồng tín dụng cấp thẻ số LD1912400123 ngày 04/05/2019 ngày 28/5/2018; Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19 /04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[6]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp số 601/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601/18/TCCJ ngày 27/04/2019 và 601a/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601a/18/TCCJ ngày 27/04/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Mil.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2021 thể hiện:

- Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 425869 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00219, do UBND huyện Đăk Mil, cấp ngày 31/12/2009, cấp cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; Thửa đất số: 121, tờ bản đồ số: 63; Địa chỉ thửa đất: Xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; Diện tích: 11.467 m^2; trên đất có 01 căn nhà gỗ và cây lâu năm (không kiểm đếm, loại)

Tài sản 02: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 504458 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01790, do UBND huyện Đăk Mil, cấp ngày 25/07/2012 cấp cho Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; Thửa đất số: 114,117, tờ bản đồ số: 63; Địa chỉ thửa đất: Xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; Diện tích: 10.308 m2; cây lâu năm (không kiểm đếm, loại)

- Tài sản 03: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 217461 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01653, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông, cấp ngày 23/09/2016 cho Hộ ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; Thửa đất số: 334, tờ bản đồ số: 16; Địa chỉ thửa đất: Xã Đăk Sôr, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông; Diện tích: 1.807 m^2; không có tài sản trên đất.

Xét thấy việc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V thế chấp Hợp đồng thế chấp số 601/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601/18/TCCJ ngày 27/04/2019 và 601a/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601a/18/TCCJ ngày 27/04/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Mil để đảm bảo cho các khoản vay 02 Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, các thành viên trong hộ ông Dũng có ủy quyền theo quy định. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký; trong đó có điều khoản: Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi dư nợ của bên thế chấp. Như vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là đúng pháp luật vì vậy trường hợp ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ đối với 02 Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01 /LD1810800801 ngày 19/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp cần chấp nhận.

[8]. Về chi phí tố tung:

[8.1]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.6000.000 đồng theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.6000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[8.2]. Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: số tiền 4.545.000 đồng, nguyên đơn phải chịu và nguyên đơn đã chi phí số tiền trên và nộp Phiếu thu ngày 02/02/2021 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/2/2021 của Báo thanh niên, Phiếu thu ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[9]. Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn ông Phạm Văn D phải chịu số tiền 3.589.000 đồng (71.779.245 đồng x 5% = 3.589.000 đồng {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm đối với Hợp đồng tín dụng số 108006 ngày 28/5/2018; Buộc và bà

Nguyễn Thị Phương V phải chịu số tiền 2.387.000 đồng (47.732.233 x 5% = 2.387.000 đồng {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm đối với Hợp đồng tín dụng cấp thẻ số LD1912400123 ngày 04/05/2019: Giấy nhận nợ số 01/ LD1912400123 ngày 04/05/2019; Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu số tiền 44.356.000 đồng (36.000.000đồng + 287.520.647 x3% = 44.356.000 đồng {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm đối với 02 Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019 theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 22.234.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003977, ngày 18/11/2020.

[10]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 410, Điều 418; Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tính dụng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 180; Điều 184; Điều 227; Điều 228 Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBNVQH.:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

1.1 Buộc ông Phạm Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng tín dụng số 108006 ngày 28/5/2018, (ngày cấp thẻ 04/5/2019) là 71.779.245 đồng (trong đó: nợ gốc là 52.787.688 đồng tiền lãi phạt quá hạn là 18.991.557 đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2021.

1.2 Buộc bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng cấp thẻ số LD1912400123 ngày 04/05/2019: Giấy nhận nợ số 01/ LD1912400123 ngày 04/05/2019 là 47.732.233 đồng (trong đó: nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 13.391.014 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 4.341.219 đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2021.

1.3 Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). theo 02 Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày

19/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019. Tổng số tiền là 1.078.520.647 đồng (trong đó: nợ gốc là 840.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 222.226.210 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 16.294.437 đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2021.

- Kể từ ngày 09/7/2021;

+ Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

+ Buộc ông Phạm Văn D phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 108006 ngày 28/5/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Phương V phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cấp thẻ số LD1912400123 ngày 04/05/2019: Giấy nhận nợ số 01/ LD1912400123 ngày 04/05/2019 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

Trường hợp ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 601/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601/18/TCCJ ngày 27/04/2019 và 601a/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601a/18/TCCJ ngày 27/04/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Mil đối với Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Nguyên đơn.

2. Chi phí tố tụng:

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.600.000 đồng. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.600.000 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT.

+ Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: số tiền 4.545.000 đồng, Nguyên đơn phải chịu số tiền trên và nguyên đơn đã chi phí số tiền trên.

3. Án phí dân sự:

- Buộc ông Phạm Văn D phải chịu số tiền 3.589.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu số tiền 2.387.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu số tiền 44.356.000 đồng {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 22.234.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003977, ngày 18/11/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ kiên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đượcc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THA.DS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng

cho vay số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018; Số tiền vay: 600.000.000; Thời hạn vay: 60 tháng và Hợp đồng cho vay số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019; Số tiền vay: 250.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2022; Mục đích vay: tiêu dùng phục vụ đời sống, đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu; Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 12%/năm; Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 4,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần; Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ KHAI

Hôm nay, ngày 08 tháng 07 năm 2021

Tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Tôi là: Nguyễn Đức Thi – Phó Trưởng phòng giao dịch Cư Jút.

Là Người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP SGTT. Theo văn bản ủy quyền số 77A/2021/GUQ-CNĐNO ngày 22/3/2021.

Nay, Tôi xin tự khai về việc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông khởi kiện ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V, với lý do sau:

1. Ngày 19/04/2018, Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 ngày 19/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810800801 ngày 19/04/2018; Số tiền vay: 600.000.000 đồng; Dư nợ vay: 590.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 60 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19/04/2023.

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 ngày 27/04/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1911400740 ngày 27/04/2019; Số tiền vay: 250.000.000 đồng; Dư nợ vay:

250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 36 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 27/04/2022.

- Biện pháp bảo đảm: Để bảo đảm cho món vay, bên vay đã thế chấp tài sản hợp pháp của mình sau đây:

+ Tài sản 01: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 425869 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00219, do UBND huyện Đăk Mil, cấp ngày 31/12/2009, cấp cho Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; Thửa đất số: 121, tờ bản đồ số: 63; Địa chỉ thửa đất: Xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; Diện tích: 11.467 m^2 Đất trồng cây lâu năm.

+ Tài sản 02: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 504458 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01790, do UBND huyện Đăk Mil, cấp ngày 25/07/2012 cấp cho Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; Thửa đất số: 114,117, tờ bản đồ số: 63; Địa chỉ thửa đất: Xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; Diện tích: 10.308 m^2 Đất trồng cây lâu năm.

- Tài sản 03: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 217461 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01653, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông, cấp ngày 23/09/2016 cấp cho Hộ ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V; Thửa đất số: 334, tờ bản đồ số: 16; Địa chỉ thửa đất: Xã Đăk Sôr, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông; Diện tích: 1.807 m² (Đất ở 300 m2, đất trồng cây lâu năm 1.507 m2).

- Việc thế chấp tài sản trên được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 601/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601/18/TCCJ ngày 27/04/2019 và Hợp đồng thế chấp số 601a/18/TCCJ ngày 19/04/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/601a/18/TCCJ ngày 27/04/2019 và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Mil theo đúng quy định.

- Trong quá trình vay vốn, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V đã thanh toán tiền gốc, lãi theo phân ký trả nợ cho Ngân hàng như sau:

+ Đến hạn trả nợ theo phân kỳ ngày 19/04/2019 Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V đã thanh toán tổng số tiền là 83.048.767 đồng (trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 73.048.767 đồng)

+ Đến hạn trả nợ ngày 19/04/2020 Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải thanh toán tổng số tiền là 83.712.821 đồng (trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 73.712.821 đồng) nhưng Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V chỉ thanh toán số tiền lãi 10.748 đồng và không tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

- Tính đến hết ngày 08/07/2021, Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V còn nợ tổng số tiền là 1.078.520.647 đồng trong đó:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1810800801 thì tiền gốc là 590.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 158.782.321 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 11.396.013 đồng, Tổng cộng là 760.178.334 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400740 thì tiền gốc là 250.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 63.443.889 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 4.898.424 đồng, Tổng cộng là 318.342.313 đồng.

2. Ngày 04/05/2019 , Bà Nguyễn Thị Phương V có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1912400123 ngày 04/05/2019: Giấy nhận nợ số 01/LD1912400123 ngày 04/05/2019; Số tiền vay: 30.000.000 đồng; Dư nợ vay: 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/05/2020.

- Biện pháp bảo đảm: Không tài sản bảo đảm

- Trong quá trình vay vốn, tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên đến nay, Bà Nguyễn Thị Phương V chưa thanh toán gốc lãi cho Ngân hàng.

Đến hạn trả nợ ngày 04/05/2020, bà Nguyễn Thị Phương V phải trả tổng số tiền là 36.164.384 đồng (trong đó: tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 6.164.384 đồng) nhưng bà Nguyễn Thị Phương V không trả nợ cho ngân hàng.

- Tính đến hết ngày 08/07/2021, Bà Nguyễn Thị Phương V còn nợ số tiền gốc là 30.000.000 đồng; Tiền lãi theo hợp đồng là 13.391.014 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 4.341.219 đồng, Tổng cộng là 47.732.233 đồng.

3. Ngày 04/05/2019 , Ông Phạm Văn D có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) số 1080206 ngày 28/05/2018: Hạn mức cấp thẻ tín dụng 50.000.000 đồng;

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Ông Phạm Văn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 143.850.000 đồng và đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 113.185.000 đồng.

- Biện pháp bảo đảm: Không tài sản bảo đảm.
- Đến hạn trả nợ theo thông báo giao dịch ngày 22/05/2020, Ông Phạm Văn D phải trả số tiền là 49.748.266 đồng, nhưng Ông Phạm Văn D không trả nợ. Đến kỳ thông báo giao dịch ngày 22/07/2020, ông Phạm Văn D phải thanh toán số tiền là 52.787.688 đồng (bao gồm tiền gốc, phí lãi, phí vượt hạn mức sử dụng thẻ) nhưng không Phạm Văn D không thanh toán, cố tình vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký. Vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ thẻ sang vốn gốc và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Phạm Văn D.
- Tính đến hết ngày 08/07/2021 ông Phạm Văn D còn nợ tổng số tiền là 71.779.245 đồng, trong đó Tiền vốn gốc là 52.787.688 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 18.991.557 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V, yêu cầu ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng và không có phương án trả nợ, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

2. Trong trường hợp ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V không thực hiện trả nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và các cam kết, thỏa thuận khác (nếu có).

3. Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp sau khi Cơ quan Thi hành án/Cơ quan chức năng bán tài sản bảo đảm mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án,

chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì yêu cầu Toà tuyên buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Phương V có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Tôi xin cam đoan lời tự khai trên của tôi là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và hậu quả pháp lý trong vụ án.

Trân trọng!

Xác nhận của TAND Huyện Krông Nô **Người tự khai**

Nguyễn Đức Thi